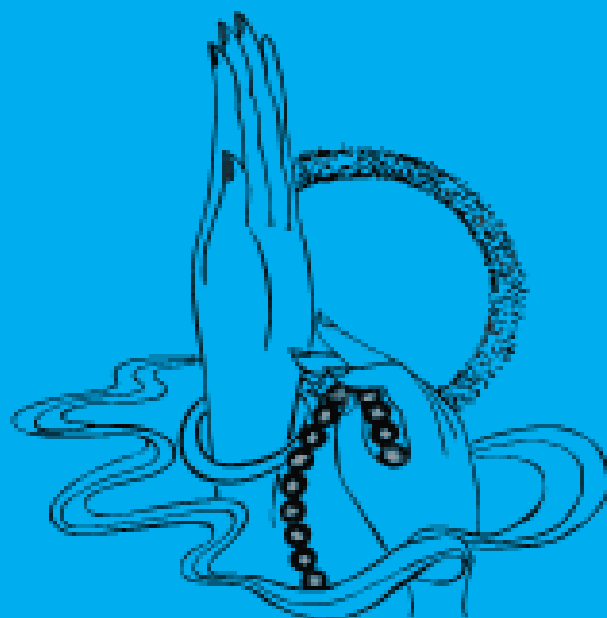


Giảng giải: Thái Hư Đại Sư
Dịch giả: Cư sĩ Tâm Phước

NIỆM PHẬT LUẬN



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Giảng giải: THÁI HƯ ĐẠI SƯ

NIỆM PHẬT LUẬN

Ký thuật: Đại Quang Pháp sư

Phỏng dịch Quốc văn: Cư sĩ Tâm Phước

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phật Lịch 2561- Dương Lịch 2017

MỤC LỤC

NIỆM PHẬT LUẬN	9
TÔN THỨ CỦA 5 TÔN	10
TỨ NIỆM XỨ:	37
1) Quán thân bất tịnh:	37
2) Quán thọ thị khổ:	37
3) Quán tâm vô thường:	38
4) Quán tâm vô ngã:	38
BÁT CHÁNH ĐẠO:	38
Chánh kiến:	38
Chánh tư duy:	39
Chánh ngữ:	39
Chánh nghiệp:	39
Chánh tinh tấn:	40
Chánh niệm:	40
Chánh định:	40
Chánh mạng:	41
1) TU VÔ PHÁP SƯ	42
2) CƯ SĨ TRINH TÍCH TÂN	46
3) NỮ CƯ SĨ HỌ TRƯỞNG	48

KỆ KHAI KINH

Phật pháp cao siêu rất thẳm sâu,
 Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.
 Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,
 Nguyên tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT! (3 lần)

TÁN PHẬT

A Di Đà Phật sắc thân vàng
 Tướng tốt không gì thể sánh ngang
 Mắt biếc lẳng trong trùm bốn biển
 Tu Di rực rỡ ngập hào quang
 Trong ánh quang minh vô số Phật
 Ứng thân Bồ Tát hiện vô vàn
 Bốn mươi tám nguyện vì sanh chúng
 Chín loài noi đường bốn giác sang.
 Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới
 đại từ đại bi A Di Đà Phật.



NIỆM PHẬT LUẬN

Phật giáo phát nguyên ở Ấn Độ lưu truyền qua Tàu, rồi lan tràn khắp thế giới. Mục đích không ngoài làm cho con người giác ngộ tự tâm, lìa khổ được vui. Vậy Phật là đấng giác ngộ, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Phật lấy từ bi làm gốc: Từ hay cho vui, bi hay cứu khổ.

Sau 49 năm thuyết pháp, đức Phật nhập diệt, các vị đệ tử nhóm lại kết tập những giáo pháp của Ngài, làm thành 12 bộ phận trong 3 tạng kinh điển. Song vì chúng sanh căn tính không đồng nên giáo pháp cũng nhân đó mà có sai khác.

Sau khi truyền qua Trung Quốc, lại do nơi giáo lý của 12 bộ phận trong 3 tạng kinh điển ấy mà chia ra 5 Tôn phái: Thiên, Giáo, Luận, Mật và Tịnh Độ. Sở dĩ chia thành 5 Tôn phái, chẳng qua cũng vâng theo đặc ý của đức Phật. Trên bề mặt của kinh điển Phật giáo tuy không

chia bao nhiêu Tôn phái, nhưng vì căn cơ xu hướng của chúng sanh không đồng, nên người sau tiếp nối người trước, mỗi người chuộng theo một lối tu học thích hợp, do đó mới lập ra 5 Tôn phái như trên.

TÔN THỨ CỦA 5 TÔN

a) Thiên tôn là giáo ngoại biệt truyền, chuyên tu Thiên định, trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật.

b) Giáo tôn thì trước ngộ sau tu, do tu mà được chứng.

c) Luật tôn chuyên trì giới luật của Phật chế, trước để sửa mình sau theo đẳng đệ mà nhiếp tâm, như: 5 giới, 10 giới, 250 giới, Bồ Tát giới và Tam tụ Tịnh giới v.v. Trước hết nghiêm trì giới luật, rồi mới do giới sanh định và do định mà phát huệ.

d) Mật tôn chuyên môn trì thần chú và quan trọng nhất ở việc làm; Phải cần có thân, khẩu, ý tam mật tương ứng mới được.

Nay đem 4 tôn trên để so sánh, chỗ hạ thủ công phu ban đầu, chúng ta thấy Tôn nào cũng có ít nhiều điểm khó. Tịnh Độ tôn ngược lại rất đơn giản và trực tiếp. Chỉ chuyên trì một câu “Nam mô A Di Đà Phật” cho đến nhất tâm bất loạn là được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh thế giới Cực Lạc. Lợi căn hay độn căn cũng đều được đức Phật nhiếp thọ hết.

Pháp môn Tịnh Độ – Người tu theo pháp môn Tịnh độ chỉ cốt ở hành trì duy nhất, thành tâm niệm Phật. Nếu có người hỏi: vì sao phải niệm Phật? Nay hãy cứ nơi nghĩa của chữ mà thuyết minh hai chữ ấy: chữ “niệm” hợp thành bởi một chữ “kim” và chữ “tâm”; chia ra mà nói, tức là hai chữ “Kim Tâm” còn hiệp lại mà nói là chữ “niệm” tức là chỉ tâm hiện bây giờ trong người chúng ta. Chữ Phật là tiếng Phạn, nói cho đủ là Phật Đà Da. Xét theo ý chữ Tàu, chữ Phật có nghĩa giác ngộ, cũng có nghĩa minh bạch. Niệm Phật là bốn phận và cũng là bốn năng của mọi người. ***Chủ ý của sự niệm Phật là cầu được hiện tiền một niệm giác ngộ và minh bạch.*** Một niệm đủ cả mười pháp

giới, nên có chỗ gọi là “*Thập thế cổ kim bất ly đương niệm, vi trần sát độ, bất cách hảo đoan*” (mười đời xưa nay không lìa đương niệm, vi trần sát độ không cách đầu mày lông). Nếu hay phát tâm niệm Phật, thì một niệm niệm Phật là một niệm giác ngộ, từng niệm, từng niệm niệm Phật, tức là từng niệm, từng niệm giác ngộ, một niệm niệm Phật là một niệm minh bạch, từng niệm, từng niệm niệm Phật tức là từng niệm, từng niệm minh bạch. Phàm người, ai lại không muốn giác ngộ, không muốn minh bạch? Nhưng phần đông ngoài miệng nói giác ngộ nói minh bạch, mà trong tâm còn chứa biết bao hồ đồ; vì tâm có tư tưởng hồ đồ. Sao gọi là tư tưởng hồ đồ? Là ba nghiệp của ý: tham, sân, si vẫn giữ. Sao gọi là việc hồ đồ? Là ba nghiệp về thân: sát, đạo, tà hạnh cùng với bốn nghiệp về miệng: lường thiệt, ác khẩu, vọng ngôn và ý ngữ chưa trừ.

Vì thân, khẩu, ý, ba nghiệp không thanh tịnh, nên sáu căn đối với sáu trần sanh ra phân biệt: nào là thanh, sắc, tài, lợi; nào là phải, trái, tốt, xấu; cứ nhắm mắt là làm theo cái hiểu biết

lỗi lầm của mình. Còn niệm Phật là cốt ở “đổi tâm sống sượng sùng thành tâm thuần thực”, bỏ hết các cảnh để hay biết phân biệt và xa lìa luôn cả tâm phân biệt hiểu biết, để trở lại tánh bản tri, bản giác. Khi tánh bản tri, bản giác đã được khôi phục, tức là thành Phật vậy.

Sự thành Phật, hoàn toàn không dính gì phương Đông hay phương Tây ở ngoài, chỉ cần dùng công phu niệm Phật. Khi sự niệm Phật đã thuần thực thành một khối, thì khi ấy nơi tâm lý của hành giả nào có phân biệt Đông, Tây? Đến thời kỳ tâm niệm được thuần khiết không còn phân biệt nữa, tức là Phật tánh đã hiện tiền rồi vậy.

Tâm của chúng ta bản lai là giác ngộ, là quang minh, thể của tâm là châu biến pháp giới, chỉ vì một niệm vọng động từ vô thủy nên bị sáu trần che lấp, mà tri giác thiên về một bên. Chỉ nhận thức cái Tiểu ngã của sắc thân này, quên mất cái Đại ngã của giác tánh cùng khắp hư không và châu biến pháp giới. Đâu biết cái thân thể mà chúng ta nhận làm của

chúng ta đây là do 7 đại: Đất, Nước, Lửa, Gió, Không, Căn, Thức, giả hợp mà thành. Nếu đem phân tích ra thì thân ấy không còn gì hết. Ví dụ: da thịt, gân xương thuộc về Địa đại; huyết mạch, nước miếng, chất lỏng trong người thuộc về Thủy đại; hơi ấm khí nóng thuộc về Hỏa đại; khí lực chuyển động thuộc về Phong đại; không khí ở trong và ở ngoài thân thể thuộc về Không đại (nếu không có hư không thì người phải chết). Ngoài ra còn có sáu căn: tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý thuộc về Căn đại. Trong mỗi căn đều có một sự phân biệt nhận biết tức là sáu thức và thuộc về Thức đại. Giả như đem những phần trong thân thể kể trên phân tán ra hết thì thân người không còn, còn đâu có cái “Ta”.

Do 7 đại giả hiệp mà thành cái ta, chứ trên thực tế khác nào một cái dĩa da bên trong chứa đựng toàn những thứ dơ bẩn hôi hám. Trong khi chúng ta đang giảng giải đây, nếu có người đưa đến một cái dĩa da đựng toàn dơ bẩn hôi hám, dù cột kín miệng dĩa lại, chúng ta cũng đều cho là thối, muốn tránh xa hoặc

đem vất đi. Thiệt ra, chúng ta ai ai cũng đều là một cái dẫy da đưng đồ thôi cả. Cái dẫy da thôi của chúng ta lại không bằng cái dẫy da đưng đồ dơ bẩn, vì cái dẫy kia còn sạch sẽ hơn và trên dưới còn kín, còn cột lại, chứ cái dẫy da của chúng ta dẫy trên dưới hở hang, hơi thôi bóc ra khó chịu. Bởi thế có chỗ bảo: “*Cửu khiếu thường lưu bất tịnh*” (chín lỗ hở trong thân người thường hay tuôn ra vật bất tịnh). Chúng ta cho cái dẫy da thôi này là Ta, nên áp yêu nó, bảo dưỡng thể này, hóa trang thể khác, nếu lấy con mắt Phật mà xem, thiệt là ngu si điên đảo hết sức.

Theo tập quán phần đông cho cái thân thể này là **Ta** (ngã), ngoài cái Ta là **Người** (nhân). Mọi người mọi vật cùng ta hiệp lại gọi đó là **chúng sanh**. Mỗi một chúng sanh đều sống trong bao nhiêu năm, nối tiếp nhau không dứt, đều là **thọ giả**. Tất cả bốn tướng trên đều là giả danh, giả tướng. Ví như phân biệt người và ta là do sự đối đãi tạm bợ mà có; có người mới có ta, có ta mới có người. **Chúng sanh** là do nhân duyên nhiều người giả hợp mà thành (mượn

các nhân duyên hợp thành). **Thọ giả** là sự sống tạm bợ nối tiếp mà ra, (người ta và chúng sanh tương tục không dứt). Nếu ly khai những tướng ấy ra, thì thử hỏi cái gì để gọi là ta?

Phương chỉ “ngã” có nghĩa là chủ thể, nhưng cái ngã của sắc thân ta đây đều không được tự chủ, như: đến khi đói không ăn không được; khát không uống không xong; lúc sự sống hết, muốn không chết cũng không được; cho đến thấy cái tốt, cái đẹp, mắt không xem không được. Gặp hoàn cảnh ngũ dục, không hưởng thọ cũng không được. Như thế, nghĩa là chủ thể đã mất rồi. Tất cả những sự ăn, uống, hưởng thọ...đều nương gá ở trên sanh mạng mà có. Mà đã có sanh mạng thì phải có sanh diệt. Trong mỗi chúng ta ngoài cái sanh, cái diệt ấy còn có một cái “**Tuệ mạng**” **vĩnh viễn không sanh không diệt**, đó mới là tánh tri giác sẵn có của mọi người.

Tánh tri giác ấy tuy là vô hình, vô tướng, nhưng nó bao trùm hư không, châu biến pháp giới, không chỗ nào không có. Kinh Viên Giác

dạy: “*Hư không sanh trong tánh Đại giác, như bọt nước nổi giữa biển là vậy*”. Niệm Phật là để bồi dưỡng pháp thân huệ mạng của mình, nương nơi Phật lực, nương nơi tự lực, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, được Phật khai ngộ tri kiến của Phật cho mà khôi phục lại tánh bản giác của chính mình.

Các vị Tổ sư tu Thiền như Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại sư, Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền sư, Ngẫu Ích Đại sư và Triệt Ngộ Thiền sư...trước tu Thiền tôn, về sau đều tu môn Tịnh Độ, chuyên tâm niệm Phật. Bởi vì tu các tôn khác, nếu gặp căn tánh không thích hợp, hoặc không được người chỉ đạo xứng đáng rành mạch dễ bị lạc đường. Người niệm Phật, chỉ cốt đầy đủ ba đức: **Tín, Nguyện và Hành**, khi sự niệm Phật đã thấu quá thập địa (thành Phật) thì bỏ niệm. Đã nhờ Phật lực, lại nhờ tự lực, quyết định không sai đường lạc hướng, vì thế nên nói pháp môn niệm Phật rất là phương tiện và trực thiệp là vậy.

Tu các pháp môn khác, đều nhờ tự lực, hễ

đoạn trừ được hoặc nghiệp là được chứng chơn. Mới nghe qua ta tưởng rất dễ, nhưng trên thực tế nếu không có công phu trí lực tương đương thì không thể dễ dàng như tu chứng được.

Còn như tu pháp môn Tịnh Độ, có một chỗ rất đặc biệt là: có thể “đời nghiệp vãng sanh”. Sau khi sanh về thế giới ấy rồi, nhờ sức giáo hóa của đức Di Đà cùng với hai vị đại Bồ Tát: Quán Âm, Thế Chí, sống chung đặng toàn các bậc người Thượng thiện, cùng nhau tu tập. Do hoàn cảnh thuận tiện ấy, tương lai có thể lần lần nghiệp hết tình không, từ cõi **Phàm Thánh Đồng Cư** có thể bước lên đến cõi **Phương Tiện Hữu Dư**, từ cõi Phương Tiện Hữu Dư rồi lên đến cõi **Thiệt Báo Trang Nghiêm** và từ cõi Thiệt Báo Trang Nghiêm mà thẳng đến **Thường Tịch Quang Độ**, thấy được chân thân của Đức Phật. Đó là nói người căn tánh cạn mỏng, còn như người có căn tánh thượng thừa, chẳng luận sanh về cõi Phật nào cũng đều thấy được bốn cõi Phật kia một cách viên mãn cả.

Chỗ cốt yếu về sự niệm Phật là cầu sanh về Thế giới Cực Lạc thì vĩnh viễn không bị đọa lạc, không bao giờ tạo nghiệp lại, tự mình có thể gia công tu hành lần lần, đến khi thành Phật độ chúng sanh mới thôi. Tu các pháp khác vẫn biết cũng tốt, không thể chê được, chỉ hiềm một nỗi nếu lỡ tu chưa đến chỗ cứu cánh, cũng cứ bị đọa lạc như thường. Xem như ba vị Bồ Tát: Vô Trước, Thế Thân và Sư Tử Giác, ban đầu đồng phát nguyện tu Duy Thức quán, cầu sanh về Nội Viện của cung trời Đâu Suất ra mắt đức Di Lặc Bồ Tát, và cũng giao kết hễ ai chết trước, sau khi đến cung trời ấy rồi phải trở về báo cho nhau biết.

Đến sau Ngài Sư Tử Giác viên tịch trước, mãi đến ba năm không thấy Ngài trở về báo. Sau ba năm ấy Ngài Thế Thân cũng viên tịch. Đương lúc lâm chung Ngài Vô Trước dặn Ngài Thế Thân:

- Sau khi ông chết, nếu ông sanh lên cõi trời Đâu Suất, thấy được đức Di Lặc, hay bất cứ sanh ở nơi nào cũng phải về nói lại cho biết.

Hơn ba năm sau, Ngài Thế Thân mới trở về, Ngài Vô Trước hỏi vì sao Ngài Thế Thân lâu về thế? Ngài Thế Thân trả lời:

- Tôi đến Nội Viện Đâu Suất, nghe đức Di Lặc nói pháp, xong tôi liền lạy 3 lạy và đi nhiều một vòng rồi trở về đây liền. Sở dĩ lâu, vì trên ấy ngày dài không làm được bao nhiêu công phu, mà ở thế gian đã quá 3 năm rồi.

Ngài Vô Trước lại hỏi:

- Vậy ông Sư Tử Giác hiện ở chỗ nào và làm những việc gì mà không thấy trở về?

Ngài Thế Thân đáp:

- Ông ấy sanh lên mới đến Ngoại Viện, đã bị ngũ dục cõi Trời triền phược, hiện nay cũng chưa thấy được đức Di Lặc.

Nghe nói cầu sanh lên Trời Đâu Suất có sự nguy hiểm như thế. Ngài Vô Trước liền từ đó phát thêm nguyện mới là niệm Phật cầu sanh lên về nước Cực Lạc (xem bài dẫn chứng về Tịnh Độ Thập nghị luận của Ngài Trí Giả đại sư).

Xin hãy tưởng tượng Ngài Sư Tử Giác là bậc Đại Thừa Bồ Tát ở trên Cung Trời, còn bị ngũ dục ám ảnh, thật là việc nguy hiểm vô cùng. Tu theo Thiên Tôn cũng vậy. Nếu công phu tu Thiên chưa vượt khỏi 3 cõi, không luận sanh lên một cõi Trời nào, sau khi hưởng hết phước ở cõi Trời cũng bị đọa lạc và tùy nghiệp chịu quả báo như thường. Vị tỷ-kheo Vô Văn trong kinh Lăng Nghiêm, nhờ niệm Phật nên khỏi sa đọa là một bằng chứng rõ ràng. Phải chăng đó là nhờ niệm Phật nên không có sự nguy hiểm ấy. Cũng vì thế nên có hai câu: *“Nhiều nể tu đạo Phi Phi Tưởng, bất như Tây Phương quy khứ lai”* nghĩa là: *Dẫu người tu đến Trời Phi Phi Tưởng, không bằng sanh về cõi Tây Phương*. Đó là nói: dẫu sanh lên cõi Trời Phi Phi Tưởng là cõi cao nhất ở trong Tứ Không Thiên, đến khi mạng cùng phước hết cũng phải đọa lạc như thường, không bằng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới ở trong chín phẩm hoa sen. Dù cho chỉ sanh về phẩm hạ hạ là phẩm thấp nhất rồi cũng có thể lần lần chứng đến phẩm thượng thượng là

phẩm trên hết. So với sự sanh lên cõi Trời Phi Phi Tướng hơn thua như trời vực.

Hằng ngày nên tụng kinh A Di Đà. Tụng được một biến tức là huân cảnh giới y báo chánh báo trang nghiêm ở Tây Phương Cực Lạc thế giới vào trong tâm ta một lần, khiến cho sự quán tưởng của ta đúc thành một quan niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tâm ta không khác gì một bộ máy điện ảnh, hễ niệm một biến là tâm ra chớp một lần hình ảnh thế giới Cực Lạc Tây Phương vào trong màn tâm của ta. Ngày này qua tháng khác, sự tiếp xúc của 6 căn toàn chỉ duyên vào cảnh giới tối thắng và diệu tướng trang nghiêm của thế giới Cực Lạc vậy. Ngay trong khi hiện tại tuy chưa sanh về thế giới Cực Lạc, song trên tâm lý đã sớm ảnh hưởng được cảnh giới Cực Lạc Tây Phương nên ý thức chúng ta đã âm thầm thấm nhuần cảnh giới diệu tướng trang nghiêm, sau này khi lâm chung, bao nhiêu nghiệp nhân huân tập đều được hiện tiền, thì những Thánh hiệu A Di Đà và các Thánh chúng mà chúng ta ngày thường trì niệm, đến khi đó đều hiện thân tiếp

dẫn và cảnh giới thanh tịnh diệu hảo ở Tây Phương Cực Lạc thế giới mà chúng ta ngày thường càn cạnh và xoắn vó trong tâm, trong một sát na cũng đều hóa hiện trước mắt. Đó tức là **“Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”** vậy.

Vả lại chúng sanh tức Phật, Phật tức chúng sanh, không bên nào là không đầy đủ tự tánh. Tâm tức Tịnh Độ, Tịnh Độ tức tâm, không bên nào là không do tâm ta hiện ra. Chỉ cần xem công phu niệm Phật của ta hàng ngày như thế nào mà thôi. Nếu ba đức: **Tín, Nguyện, Hành** đều được kiên cố không đổi dời, thì tự tánh hòa với Phật tánh, hợp thành ra một, khi đó tự tánh tức là Phật tánh, Phật tánh tức là tự tánh, Phật đủ vô lượng thọ, chúng sanh cũng đủ vô lượng thọ, Phật đủ vô lượng quang, chúng sanh cũng đủ vô lượng quang. Đức Phật A Di Đà đã có y báo, chánh báo tướng hảo trang nghiêm, chúng sanh cũng có y báo, chánh báo trang nghiêm.

Kinh A Di Đà là kinh do đức Thích Ca không ai hỏi mà tự nói: Toàn bộ kinh ấy diễn tả y báo, chánh báo trang nghiêm của thế giới

Cực Lạc và thuyết minh pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, ý nghĩa cũng như kinh Pháp Hoa, vì kinh Pháp Hoa Phật cũng đối với Ngài Xá Lợi Phất không hỏi mà tự nói vậy. Sau khi nói kinh Vô lượng nghĩa, Phật nhập định Vô lượng nghĩa xứ Tam muội thân tâm không động và phóng bạch hảo tướng quang ở khoảng giữa hai chân mày, chiếu khắp phương Đông vạn tám ngàn quốc độ, hiện ra các món thụy tướng, đến nỗi khiến Đại chúng nghe pháp đều sanh lòng nghi, lần lượt đến khi đức Di Lạc và đức Văn Thù vì đại chúng mà gạn hỏi để quyết nghi, đức Phật mới xuất định, không cần ai hỏi, Ngài liền nói với Tôn giả Xá Lợi Phất rằng:

- Trí tuệ của các đức Phật thậm thâm vô lượng, nên pháp môn trí tuệ khó hiểu và khó vào, hết thầy Thanh Văn và Bích Chi Phật, không thể biết được...Phật thành tựu được pháp thậm thâm chưa từng có...Nói tóm lại những pháp môn vô lượng, vô biên chưa từng có, Phật đều thành tựu hết.

Tôi thường nói:

- Kinh Pháp Hoa tức kinh Di Đà nói rộng ra, Kinh Di Đà tức kinh Pháp Hoa nói lược lại.

Hai bộ kinh ấy đều bàn nói “toàn sự tức lý” chứ không giống các kinh khác, phần nhiều nói danh từ pháp tướng và khuyên người ngộ lý tu hành. Hai kinh này hoàn toàn dùng tâm hiện lượng mà xét cảnh hiện lượng. Nếu các ông đề tâm nghiên cứu và đối chiếu văn nghĩa hai kinh này sẽ được rõ ràng vậy.

Kinh Pháp Hoa tất cả 7 quyển gồm có 28 phẩm, 14 phẩm trước là “khai quyền hiển thật”, 14 phẩm sau là “khai cận hiển viên” toàn bộ đều nói về pháp tối thượng thừa. Tỷ như kinh Di Đà nói: *“Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào nghe nói đến đức Phật A Di Đà mà chấp trì danh hiệu Ngài từ 1 ngày đến 7 ngày, nhất tâm bất loạn, đến khi người ấy lâm chung, đức Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng, hiện ở trước mắt, và khi mạng chung, người ấy tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về nước Cực Lạc của đức Phật A Di Đà”*.

Kinh Pháp Hoa, về phẩm thứ 23 tức là phẩm Dược Vương, Bốn sư cũng nói: *“Nghe kinh điển này, nếu ai y như lời nói mà tu hành, người ấy ở đây khi mạng chung, liền sanh về thế giới An Lạc, ngồi trên tòa sen bảy báu trong khi đức Phật A Di Đà cùng chúng đại Bồ Tát bao vây chung quanh người ấy”*, ý nghĩa hai kinh đều giống nhau. Có điều trong kinh Di Đà nói Quốc độ trang nghiêm, nói thọ mạng của Phật, nói quang minh của Phật, cho đến các đức Phật sáu phương hộ niệm...tuy đối với kinh Pháp Hoa, văn từ có chỗ rộng hẹp không đồng, song cảnh giới và ý nghĩa không hai không khác. Do đó nói *“một câu A Di Đà Phật là pháp tối thượng thừa bao quát vô lượng pháp môn khác”*.

Một niệm được tương ưng với danh hiệu đức Phật A Di Đà thì liền đó sáu căn được thanh tịnh. Như đương khi niệm Phật, mắt thường xem Phật là nhãn căn thanh tịnh, tai nghe tiếng mình và đại chúng niệm Phật là nhĩ căn thanh tịnh, mũi ngửi hương trầm là tỷ căn thanh tịnh, lưỡi xây qua trở lại niệm Phật là

thiệt căn thanh tịnh, thân thể ở trong thanh tịnh đạo tràng, hằng ngày hướng về Phật, lạy Phật là thân căn thanh tịnh; trong tâm chỉ duyên tưởng Phật, niệm Phật là ý căn thanh tịnh. Mà 6 căn đã thanh tịnh thời 3 nghiệp thanh tịnh. Ba nghiệp thanh tịnh thời thân không làm những việc sát, đạo, dâm; miệng không lường thiệt, ác khẩu vọng ngôn và ỷ ngữ; ý không tham, sân, si. Đó tức là hoàn toàn được mười thiện nghiệp. Người tu hành theo các pháp môn khác không dễ dàng gì mà đối trị được 3 nghiệp thân, khẩu, ý. Mà pháp môn niệm Phật chỉ một câu A Di Đà Phật là có thể thâm nhiếp được 3 nghiệp. Niệm được càng lâu thì quán niệm càng được chín chắn, tịnh nhân càng thêm lớn mạnh và do đó đến khi mạng chung quyết định vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Phần đông người ta đều cho thành Phật là việc rất khó, kỳ thật không khó, vì Phật và chúng sanh đều thành tựu bởi công phu quán và niệm. Phật một niệm đầy đủ 10 pháp giới, chúng sanh một niệm cũng đủ 10 pháp giới. Nếu một niệm tâm tham khởi lên, tức ngã quý.

Một niệm tâm sân khởi lên tức là địa ngục. Một niệm tâm si khởi lên tức là súc sanh. Một niệm tâm nghi mạn khởi lên tức là A Tu La. Một niệm hiệp với ngũ thường ngũ giới tức là sanh về nhân đạo. Một niệm hiệp với thượng phẩm của thập thiện tức sanh lên cõi Trời. Nếu một niệm quán thông được 4 Đế, tức là Thanh Văn, quán thông được 12 nhân duyên tức là Duyên Giác. Một niệm hiệp với Lục độ vạn hạnh tức là Bồ Tát. **Một niệm hiệp với tự lợi, lợi tha, vạn hạnh bình đẳng tức là Phật.** Lại như ở thế gian, ai cũng có quan niệm, hề quan niệm cái gì tự mình thành tựu cái ấy. Người niệm Phật cũng vậy, hàng ngày mắt thấy Phật, miệng niệm Phật, thân lạy Phật, tâm tưởng Phật, tai nghe tiếng niệm Phật và lúc nào cũng lấy sự siêu sanh Cực Lạc thế giới làm quan niệm, đến khi mạng chung quyết định sanh về thế giới ấy và cũng quyết định thành Phật là lẽ đương nhiên.

Trên kia tôi đã từng nói: Phật giáo Trung Hoa, nguyên trước ở trong tình trạng xu hướng tự nhiên, về sau mới chia thành bao nhiêu Tôn

phái, như: Thiên Thai tôn, Hiền Thủ tôn, Pháp Tướng tôn (cũng xưng là Từ tôn hoặc là Duy Thức tôn), Tịnh Độ tôn, Chơn ngôn tôn, Thiền tôn và Luật tôn v.v. Đó là do người đời sau vì sự quan hệ về truyền thừa và chuyên môn học tập, nên mới kiến lập các Tôn phái ấy. Các Tôn phái trong những Tôn phái kể trên, đều là đơn giản thuần nhất. Chỉ 2 Tôn Tịnh Độ và Luật tôn, về sự hành trì và giáo lý đều có thâm nhuần vào các tôn phái khác, được các tôn phái khác cũng có và được 7 chúng đề tự cùng học. Ví như các tôn: Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận và Pháp Tướng, Phán giáo cũng không đồng mà phép tu quán cũng khác. Song nói chung, thì các tôn phái ấy đều có thể lấy sự tu Tịnh Độ làm phương tiện cần thiết, tất cả đều có thể niệm Phật thành Phật. Xem như người tu theo Thiên tôn cũng phải tham phép niệm Phật, huống nữa là ai? Thế thì không kể xuất gia, tại gia, mục tiêu duy nhất của sự học Phật, không ngoài niệm Phật thành Phật, đồng thời ở trong quá trình học Phật thành Phật dĩ nhiên là phải tuân thủ giới luật thanh tịnh của Phật nữa. Các đại Tùng Lâm

nước Trung Hoa bất cứ một Tôn một Phái nào, mỗi ngày hai buổi lên điện Phật, đều niệm “Nam mô A Di Đà Phật” và trong khi nói chuyện hoặc ứng đáp với ai cũng niệm “Nam mô A Di Đà Phật”, lẽ đương nhiên cái mục đích tối hậu không ngoài cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy Phật thành Phật. Do đó có thể tưởng thấy pháp môn niệm Phật rất nhiều phương tiện và được phổ biến. Tuy nhiên giới luật của Phật cũng là việc rất khẩn yếu. Phật pháp hưng thịnh hay không đều do người đời đối với giới luật trì thủ hay không mà thôi. Nếu các Ngài tuân thủ giới luật của Phật thì Phật pháp có thể tồn tại ở đời lâu dài; không thế, Phật pháp sẽ theo thời đại mà diệt vong vậy.

Thời kỳ Phật tại thế, đại chúng lấy Phật làm thầy. Sau khi Phật diệt độ, đại chúng lấy giới luật làm thầy. Khi Phật gần nhập diệt, bốn chúng đệ tử vây quanh hai bên Phật, ôm đầu khóc lóc cầu xin Phật trụ thế. Khi ấy Ngài Vô Bân tôn giả¹ thương khóc đau buồn đến cực độ,

¹ Tức là Ngài A Nậu Lô Đà dịch ra tiếng Trung Hoa.

bồing nhiên Ngài rằng: Lúc Phật tại thế, đại chúng y chỉ nơi Phật, nay mai Phật nhập diệt, nếu muốn Phật pháp ở lâu trên đời, nên nhân lúc Phật còn tại thế mà hỏi những việc nhu yếu cho rõ ràng. Đương khi ấy A Nan tôn giả cũng đứng bên Phật, che mặt mà khóc, nhân vì Ngài A Nan thường theo hầu Phật có thể là người truyền trì Phật Pháp, nên Vô Bân Tôn giả nhường Ngài A Nan dùng 4 việc để hỏi Phật. Tựu trung có 2 việc đương đầu là: thứ nhất, khi Phật tại thế, Đại chúng y chỉ nơi Phật làm nòng cốt, sau khi Phật nhập diệt, nương ai làm nòng cốt? Thứ hai, lúc Phật tại thế, Đại chúng lấy Phật làm thầy, sau khi Phật diệt độ, lấy ai làm thầy? Ngài A Nan đem 2 câu ấy hỏi Phật, Phật dạy:

- Sau khi ta diệt độ, nên y theo Tứ Niệm Xứ làm nơi nương náu và lấy giới luật làm thầy.

Xem thế có thể hiểu rằng giới luật đối với đời sau, trọng yếu là dường nào!

Đã là đệ tử Phật, đều phải tuân thủ giới luật của Phật, dầu cho không được hoàn toàn cũng phải kiểm điểm chặt chẽ, hễ trì được mấy điều

là tính mấy điều; người thọ nhiều giới mà không giữ được hoàn toàn, so với người không trì còn hơn. Các đại Tùng Lâm, đều có quy củ riêng, gia phong riêng. Cái quy củ gia phong ấy tức là giới luật của mọi người trong chúng cùng tuân thủ. Xem thế có thể thấy trì giới cùng niệm Phật cũng đều trọng yếu như nhau. Hiện nay Ngài Hoằng Nhứt Luật sư (thuộc về Luật tôn) tuy chuyên môn hoằng luật, song cũng nhất tâm niệm Phật, gặp ai cũng khuyên niệm Phật; lại nữa như Ngài Đế Nhàn Lão pháp sư và Hư Vân Lão Hòa thượng v.v. không Ngài nào là không chú trọng việc niệm Phật. Có chỗ nói: “Về giáo lý thì diễn sớ Bốn tôn, còn việc tu hành thì tu theo Tịnh Độ” là đây vậy.

Tất cả đệ tử của Phật chia làm 7 chúng:

(1) Tỳ Kheo là người nam xuất gia, thọ cụ túc giới.

(2) Tỳ Kheo Ni là người nữ xuất gia, thọ cụ túc giới.

(3) Thức Xoa Ma Na, dịch là học pháp nữ tức là Sa Di Ni muốn thọ cụ túc giới, từ 18 tuổi đến 20 tuổi riêng học 6 pháp: không tà hạnh, không trộm cắp, không sát hại, không nói lời dối trá, không uống các thứ rượu và ăn trái thời. Học 6 pháp này rồi có thể thọ cụ túc giới mà làm Tỳ Kheo Ni.

(4) Sa Di là người nam, sau khi xuất gia thọ trì 10 giới.

(5) Sa Di Ni là người nữ sau khi xuất gia thọ trì 10 giới.

(6) Ưu Bà Tắc dịch là cận sự nam là những người đàn ông tại gia gần gũi phụng sự Tam Bảo.

(7) Ưu Bà Di dịch là cận sự nữ, là những người nữ tại gia thân cận phụng sự Tam Bảo.

Người tại gia niệm Phật, trước hết phải quy y Tam Bảo, vâng giữ 5 giới. Tam Bảo là gì? Tức là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. **Phật** như đức Thích Ca Mâu Ni làm giáo chủ thế giới Ta Bà này và các đức Phật trong 3 đời quá

khứ, hiện tại và vị lai. **Pháp** có nghĩa là quy tắc tức là ngôn giáo do các đức Phật nói ra. **Tăng** nghĩa là truyền tri, tức là người thiệu long Tam Bảo, làm mô phạm cho người đời. Tam Bảo có Tự tánh Tam Bảo, Biệt tướng Tam Bảo và Trụ trì Tam Bảo.

Tự tánh Tam Bảo: Tất cả chúng sanh đều sẵn có, không phải tìm cầu ở ngoài, như tánh linh minh giác chiếu của chúng sanh là Phật bảo, trạng thái tịch thường viên tịnh là Pháp bảo, sự dung hòa diệu lạc là Tăng bảo.

Biệt tướng Tam Bảo: Tức là Tam Bảo có biểu tướng riêng biệt, có nhân, pháp, nhơn, quả, tánh, tướng, thể, dụng. Như Diệu giác và 3 thân của Phật đều gọi là Phật. Chân như lý thể và hết thảy pháp môn phương tiện, đều gọi là Pháp, 50 vị Hiền, Thánh đều gọi là Tăng.

Trụ trì Tam Bảo: Tam Bảo trụ trì ở trên đời, khiến cho Phật pháp truyền giữ không dứt, làm lợi lạc hết thảy chúng sanh. Tượng và Ngọc Xá Lợi chúng ta thường thấy, đó là Phật bảo. Kinh, Luật, Luận mà chúng ta đọc tụng

hàng ngày, đó là Pháp bảo. Các Đồ chúng xuất gia, truyền trì sự nghiệp lợi sanh của Phật, đó là Tăng bảo.

Nên biết rằng: Người quy y Tam Bảo, không phải quy y Tam Bảo nào khác, chính là quy y Tam Bảo vốn sẵn có trong tự tánh của mình. Chữ Phật mà dịch là Giác ở trong tri giác thì giác tánh ấy mọi người đều có. Sở dĩ quy y Phật, tức là quy y giác tánh của mình. Mọi người đều có thể do giác tánh của mình mà lưu lộ vô cùng diệu lý. Sở dĩ quy y Pháp là quy y chân như diệu lý sẵn có của mình; mọi người đều có thể chấp trì tương tục, theo trong chân tánh mà phát huy diệu lý. Sở dĩ quy y tăng tức là quy y cái tánh dung hòa diệu lạc ở trong giác pháp mà chính mình đã tiếp giữ. Phật giáo hoàn toàn không giống các tôn giáo khác, chỉ cho Thần mới được làm Thần, chứ người không thể làm Thần, mặc dù người người như hoặc hơn Thần, người cứ vĩnh viễn làm nô lệ cho Thần! Thật không có một lý gì gọi là bình đẳng cả. Phật giáo chủ trương tất cả đều bình đẳng, không có cao thấp. Người

người đều có giác tánh, người người có thể niệm Phật thành Phật. Tuy nhiên, thông thường người ta quy y là quy y trụ trì Tam Bảo trong đời hiện tại. Phải chăng đó mới là dẫn đạo người ta, chủ yếu là khuyên người quy y Tam Bảo ở trong tự tánh cho đến rốt ráo thành Phật, tuyệt không làm nô lệ cho một vị Phật nào hết. Người niệm Phật đối với việc này rất rõ ràng, sự thành Phật hoàn toàn không phải người khác ban thưởng. Chỉ cốt sự mình niệm Phật để thành ông Phật trong tự tánh của mình vậy.

Ngoài Tam quy ra, người tại gia còn phải vâng giữ 5 giới để làm trợ duyên cho sự niệm Phật. Năm giới là: Không sát sanh hại mạng, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Không sát sanh là **Nhân**, không trộm cắp là **Nghĩa**, không tà dâm là **Lễ**, không nói dối là **Tín**, không uống rượu là **Trí**. Người giữ ngũ giới tức là thành tựu ngũ thường ở thế gian. Bởi vì đã là nhân ái thì không tàn nhẫn, đạo nghĩa thì không cường bạo, lễ nhượng thì không tà khúc, tin thiết thì không dối trá, lý trí thì không ngu si. Người

niệm Phật mà giữ được ngũ giới có thể hoàn thành được nhân ái, đạo nghĩa, lễ nhượng, tin thiết và lý trí. Người giữ được như thế thường đối với xã hội đã làm được người chánh nhân quân tử, lại có thể làm người tư lương cần thiết cho việc vãng sanh Tịnh độ.

Ngoài Tam quy ngũ giới, đối với Tứ Niệm Xứ và Bát Chánh Đạo ở trong 37 phẩm trợ đạo cũng cần luôn luôn quán niệm.

TỨ NIỆM XỨ

1) Quán thân bất tịnh

Như con người khi sanh do nơi âm đạo mà ra là bất tịnh, lúc chết huyết nhục biến thành đất bùn là bất tịnh, chủng tử do tinh huyết cha mẹ hợp thành là bất tịnh, trong thì huyết nhục đàm đẹn, ngoài thì tóc lông v.v hết thảy đều là bất tịnh.

2) Quán thọ thị khổ

Đại khái khổ có 8 thứ là: sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc

khổ, oán tắng hội khổ, ngũ ấm xí thanh khổ, còn nói cho kỹ thì không biết bao nhiêu là khổ.

3) Quán tâm vô thường

Tâm niệm sanh diệt từng sát na, không có thường trú.

4) Quán tâm vô ngã

Hết thấy các pháp đều là giả danh, giả tướng, không có một cái gì gọi là chân ngã. Đó là Tứ Niệm Xứ nói theo cách đơn giản. Song nếu luôn luôn quán tưởng được 4 phép ấy cũng có thể củng cố tín tâm niệm Phật của mình.

BÁT CHÁNH ĐẠO

Là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định và chánh mạng.

Chánh kiến

Là tri kiến không tà vạy, lại cũng có nghĩa không xem những cái không nên xem để khỏi ô nhiễm con mắt của mình.

Chánh tư duy

Nghĩa là không nên suy nghĩ những việc không đáng suy nghĩ để tránh ô nhiễm cái tâm thuần khiết của mình.

Chánh ngữ

Là không nói những việc không đáng nói để tránh khỏi nhiễm ô cái miệng của mình.

Chánh nghiệp

Là hành nghiệp chính đáng như người niệm Phật, chuyên môn làm việc từ thiện đối với xã hội, ông thầy làm thuốc chữa lành người bệnh, cứu sống người chết, đó là một cách làm ăn (phước đức), trái lại có người mở tiệm bán hòm, làm hàng bán thịt, cũng lại là một cách làm ăn (tội nghiệp). Có chỗ nói: Người chuyên nghề làm tên (tên bắn) chỉ sợ tên không hại được người. Người làm khiên chỉ sợ khiên không bảo vệ được người, như người đời xưa đã nói (thí dụ) thì đồng là nghề nghiệp sanh sống, cũng nên lựa cái nghề có phước đức mà làm, không làm những nghề không chính đáng.

Chánh tinh tấn

Cùng với chánh nghiệp có tương quan với nhau như ở trên đã nói, tất cả việc làm đồng là tinh tấn như nhau, mà có người tinh tấn trên con đường giải thoát thành Phật, có người tinh tấn trên con đường đọa lạc ác đạo. Lại có người niệm Phật, nửa đêm mới nằm canh năm đã dậy, đó là dũng mãnh tinh tấn trên đường trực vãng thành Phật. Sở dĩ chánh tinh tấn cùng với bất chánh tinh tấn không đồng nhau là như thế.

Chánh niệm

Chữ niệm là niệm khởi đầu, trong khi tâm ý mình muốn phát động mà chưa phát động, gọi là niệm đầu, chánh niệm là lấy thiện tâm, hảo tâm làm khởi điểm, không nên có mảy may tâm tà khúc.

Chánh định

Là xem xét những việc chánh đáng thì nhứt tâm nhứt ý mà làm. Cái gì gọi là việc chánh đáng? Niệm Phật là việc chánh đáng, thì cứ chuyên tâm trì ý niệm Phật, niệm cho đến nhứt

tâm bất loạn, niệm cho đến thâm nhập niệm Phật tam muội, đó đều thuộc về chánh định hết.

Chánh mạng

Là lấy những việc sinh sống chánh đáng kể trên mà kiểm điểm lại thân, khẩu, ý của mình, từ đầu đến cuối, thanh tịnh 3 nghiệp thuận theo chánh pháp mà sống, tuyệt đối không làm những việc tà mạng khác.

Giải thích Bát Chánh Đạo như trên chỉ là thích hợp với người sơ cơ tin Phật, đến như đi sâu vào giáo lý là không phải đơn giản như thế được.

Người niệm Phật, ngoài sự nhất tâm, nhất ý, còn sợ thân tâm phóng dật, hoặc Tín, Nguyện, Hạnh không được kiên cố, nên thường dùng Tứ Niệm Xứ và Bát Chánh Đạo mà kiểm điểm kiềm buộc thân tâm mình. Chỉ như phương pháp niệm Phật, cũng nên xét theo căn tánh của mình mà lựa chọn, đại loại không ngoài ba phép trì danh niệm Phật, quán tưởng niệm Phật và thiết tướng niệm Phật. Lại có một

phương pháp rất giản tiện là hô hấp niệm Phật, trong khi hơi thở vào niệm “Nam mô A Di” khi thở ra niệm “Đà Phật”, cho thật rõ ràng, cách ấy chỉ trong một hơi thở là niệm một hiệu Phật, giữ cho bền lâu, chẳng nệ thời khắc nào đi đứng nằm ngồi, đều không quên lãng một câu A Di Đà Phật. Đó mới thiệt là chân tinh tấn. Đến khi lâm chung sắp trút hơi thở cuối cùng thì hành nghiệp của người ấy cũng tùy theo một tiếng niệm Phật ở trong hơi thở cuối cùng ấy mà vãng sanh thế giới Cực Lạc được thấy đức Phật A Di Đà.

Sự tương quan về niệm Phật vãng sanh mà những điểm tốt tướng lành phát hiện trong khi lâm chung của người xuất gia hay tại gia, các truyện vãng sanh đều có ghi chép, không thể kể xiết. Nay căn cứ sự mắt thấy của tôi sau khi xuất gia cũng có đến hơn vài mươi vị, đó là chưa kể những người chỉ nghe nói, nay vì muốn khai phát tín tâm, tôi nêu ra 3 vị sau đây để làm tiêu chuẩn.

1) TU VÔ PHÁP SƯ

Người ở Dinh Khẩu, xuất thân làm thợ ngói gạch, nhân hoàn cảnh sanh hoạt không được thuận lợi và công việc lại khó nhọc mà biết là đời chỉ có khổ chứ không vui. Tâm thường nghĩ đến pháp thoát khổ. Sau nghe người ta nói: niệm Phật là pháp môn giải thoát thần diệu. Ngài liền phát tâm luôn luôn niệm Phật, về sau Ngài xuất gia, chánh thức nghe giảng Phật pháp, tâm niệm Phật lại càng khẩn thiết, gặp ai cũng khuyên niệm Phật.

Năm Dân Quốc thứ 18 (1929) tôi ở chùa Cực Lạc tại Cáp Nhĩ Tân, mời Ngài Đế Nhân Lão Pháp sư đến truyền giới. Một hôm nghe nói có vị sư Tu Vô ở Dinh Khẩu mới đến để dự bị phát tâm làm việc khổ hạnh trong kỳ giới đàn. Vị sư ấy ra mắt tôi, tôi hỏi ông muốn làm việc gì? Vị sư ấy trả lời:

- Nguyện hầu hạ người bệnh.

Khi ấy Định Tây Pháp sư làm Giám viện trong chùa, cấp cho vị sư ấy một gian phòng ở ngoài hiên. Ở được đâu mười mấy hôm vị ấy xin đi. Định Tây Pháp sư nói:

- Nhà người phát tâm hầu hạ bệnh nhân sao mới ở hơn mười bữa đã đòi đi? Tâm không thường gì hết, sư Tu Vô nói:

- Tôi cầu vãng sanh, chứ không đi đâu, xin Ngài Giám viện từ bi cấp cho tôi vài trăm cân củi để phân thiêu xác sau khi tôi chết.

Định Tây Pháp sư hỏi ông bao giờ đi? Vị sư Tu Vô nói:

- Nội trong mười hôm.

Qua ngày thứ hai, Tu Vô Pháp sư đến từ giã tôi và Định Tây Pháp sư và nói:

- Tôi đêm nay đi, cấp cho một gian phòng và cho vài người niệm Phật đưa tôi đi.

Định Tây Pháp sư cấp cho một gian phòng ở trong công mộ viên và quét dọn rất sạch sẽ. Lại cắt mấy vị sư hộ niệm. Trước khi Pháp sư Tu Vô gần vãng sanh, mấy vị sư hộ niệm nói:

- Ông hôm nay vãng sanh về Phật quốc, tưởng cũng nên làm vài bài thơ hoặc ít câu kệ để làm kỷ niệm.

Pháp sư Tu Vô nói:

- Tôi xuất thân làm thợ, không biết làm thợ, cũng không biết làm kệ. Tôi chỉ có một câu kinh nghiệm, khả dĩ thừa cùng các ông là: **“Nói được mà làm không được, không phải là chơn trí huệ”**.

Nghe nói ai cũng cho là đúng sự thật. Tu Vô Pháp sư trở mặt về hướng Tây, ngồi kiết già niệm Phật theo người hộ niệm. Gần một giờ sau, Ngài thác hóa. Trong chùa cấp một cái Tọa khám (khám như quan tài, còn tọa là ngồi, vì khi tịch ngồi, nên dùng khám ngồi) đến chiều nhập liệm. Lúc ấy khí trời nóng nực, mà diện mạo Ngài vẫn thanh tú khác thường, không có một mùi hôi thối và ruồi lặn gì hết. Ngài Đệ Nhàn Pháp sư cùng những người tin Phật dành nhau đến xem và đều tán thán là những việc ít có. Khi hỏa thiêu, lửa đỏ khói trắng, không có chút mùi hôi hám. Cư sĩ Phan Đối Phù ghi chép sự tích bình sanh niệm Phật của pháp sư Tu Vô và ấn tống khắp nơi, ai cũng công nhận là gương mẫu tốt trong hàng Tăng chúng.

2) CƯ SĨ TRỊNH TÍCH TÂN

Người xứ Tức Mặc tỉnh Sơn Đông (Trung Hoa) làm nghề buôn bán, nhân xem kinh Phật, biết sự niệm Phật là tốt, bèn phát tâm niệm Phật chung thân không cưới vợ. Năm y 22 tuổi hiện ở Thanh Đảo, tôi giảng nói chỗ lợi ích về sự quy y và niệm Phật, nghe xong từ ấy tâm niệm Phật của Trịnh Tích Tân càng thêm thành khẩn, việc nhà hoàn toàn giao cho người em trai liệu lý, tự mình chuyên tâm niệm Phật. Về sau ông tập giảng kinh A Di Đà và đã giảng mấy lần cho các thiện hữu nghe. Lúc y 24 tuổi mời tôi đến Bình Độ giảng kinh một lần. Qua mùa xuân năm 28 tuổi, “Trịnh cư sĩ lại từ Thanh Đảo đi Bình Độ giảng kinh, hơn vài tuần lễ sau có người ở Bình Độ đến nói với tôi rằng: Trịnh cư sĩ đã đi về rồi” (tục người Giao Đông hay gọi người chết là về). Tôi nghe lấy làm ngạc nhiên và nói mới hơn mười ngày trước đây ông ấy ở bên Bình Độ vẫn khỏe mạnh, vì sao mà đi một cách mau chóng, sượng như vậy? Có bệnh gì không? Người ấy nói:

- Trịnh cư sĩ sau khi giảng kinh Di Đà, các thánh giả ra về chỉ còn 5, 6 người trong ban trị sự là bạn thân với nhau, lưu lại ăn cơm trưa. Ăn xong, Trịnh cư sĩ nhờ mấy người bạn thuê cho một gian phòng để mà đi (chết).

Mấy người bạn nói:

- Bác đòi đi mà còn thuê phòng làm gì?

Trịnh cư sĩ nói:

Ta vãng sanh! Vì sợ chết ở nhà người ta phạm điều cấm kỵ cho họ.

Mấy người bạn nói:

- Chúng ta tri giao lâu ngày đừng nói vãng sanh Lạc Quốc, nếu bác bệnh trọng chết tại nhà chúng tôi cũng cứ được, hà tất phải thuê phòng làm gì. Hiện nay trong bọn chúng tôi có nhiều người tin Phật, niệm Phật, bác nếu chắc chắn vãng sanh thì cùng cho chúng tôi xem để làm gương.

Nói xong, một người bạn thu xếp nhà mình, dành riêng cho Trịnh cư sĩ hai gian.

Trịnh cư sĩ ngồi trở mặt về hướng Tây và nói:

- Xin từ biệt các Ngài, tôi đi bây giờ đây. Chúng ta cùng là người tin Phật, xin các Ngài niệm Phật đưa tôi đi một đôi.

Mấy người bạn nói: Đến lúc lâm chung bác sao không nói ít câu kệ để làm kỷ niệm?

Trịnh cư sĩ nói:

- Nói kệ làm gì, hãy xem cách thức đi về, việc làm của ta đây để làm kỷ niệm vậy.

Nói xong đại chúng niệm Phật, không quá một tiếng đồng hồ, Trịnh cư sĩ mỉm cười mà đi; mọi người trong quận Bình Đô thấy vậy đa số phát tâm tin Phật, niệm Phật và cho niệm Phật là tốt.

3) NỮ CƯ SĨ HỌ TRƯƠNG

Nàng là người Thanh Đảo, nhà nghèo, người chồng làm nghề đạp xe thuê, sanh được một trai và một gái, nhà ở gần tịnh xá Tràm Sơn. Trong tịnh xá có hội Phật học. Đến ngày bái lễ, tôi thường đến đó giảng kinh và sau khi

giảng xong, lại có niệm Phật chừng 1 cây hương. Trương Thị nhờ nhân duyên ấy quy y Tam Bảo được nghe Phật pháp. Ngày thường thì ở nhà niệm Phật, đến ngày lễ bái lại đem hai đứa con đến hội Phật học nghe kinh và niệm Phật.

Một hôm, sáng sớm thức dậy, Trương Thị bảo chồng rằng:

- Ông nên bảo dưỡng con cái cho tử tế, tôi hôm nay vãng sanh nước Phật.

Người chồng vì bận ba sanh hoạt nên đối với Phật pháp cũng ít huân tập, nghe vợ nói thế, không để ý, cứ đi xe đạp như thường. Trương Thị lại dặn hai đứa con rằng:

- Mẹ hôm nay sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hai con nên vâng lời cha dạy không được ngỗ nghịch.

Khi ấy hai đứa con đó, đứa lớn mới chừng 10 tuổi, đứa nhỏ chừng 5, 6 tuổi, nghe mẹ nói thế, không biết là ý tứ gì, cứ việc chơi đùa như thường. Trương Thị thu xếp việc nhà đâu vào

đấy, rửa mặt chải tóc và thay áo, lên giường ngồi kiết già, trở mặt về hướng Tây, niệm Phật rồi thác. Hai đứa con chơi giỡn bên ngoài khá lâu, khi đói bụng, chạy về kiếm cơm, thấy mẹ ngồi trên giường không chịu nấu cơm, chúng nó đến kêu không thấy đáp, lấy tay lay, cũng không thấy động, khi ấy chúng nó mới biết mẹ chúng đã chết rồi, chúng nó vang khóc. Người hàng xóm hay tin chạy đến, thấy Trương Thị tuy đã chết lâu, nhưng mặt mày như còn sống. Ai nấy đều tán thán công phu niệm Phật của nàng. Người chồng về thấy vậy than khóc thảm thiết, song vì nhà nghèo, không biết lấy gì mà khâm liệm, phải nhờ các ông cư sĩ hội Phật học giúp lo việc chôn cất.

Sự kiện tối khẩn yếu của người đời, chính ở chỗ niệm Phật để cầu thoát khỏi sanh tử. Dù cho công việc bận rộn thế nào đi nữa, các Ngài cũng có thể tùy theo hoàn cảnh mình mà dành riêng một thời gian ngắn để ngồi yên niệm Phật. Còn như đương khi bận rộn công việc cùng có thể lắng tâm mặc niệm. Nếu không thể mà cứ gây những nghiệp sát đạo, dâm, vọng,

làm những điều tội lỗi phi pháp thì khó mà khỏi xa rời trong tam đồ, luân hồi lục đạo, chịu khổ không cùng tận vậy. Trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật dạy:

“Người mắc mạng ta, ta trả nợ người, vì nhân duyên ấy trả trăm ngàn kiếp thường ở trong vòng sanh tử; người thương tâm ta, ta yêu sắc người, vì nhân duyên ấy trải trăm nghìn kiếp thường ở trong vòng trôi buộc đều do 3 nghiệp sát, đạo, dâm làm căn bản, nên vì nhân – duyên ấy mà nghiệp - quả chấp nối không thôi”.

Các Ngài hãy tưởng nghĩ tạo nghiệp sát, đạo, dâm tất bị thống khổ nhiều như vậy, dám khuyên các Ngài hãy vui vẻ niệm Phật và niệm Phật cho nhiều. Người xưa thường nói:

“Niệm Phật một tiếng phước tăng vô lượng, Lễ Phật một lay diệt tội hà sa” là thế.

Trên đây chỉ là hàng sơ cơ mà giảng thuyết.

HỒI HƯƠNG

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có ai thấy nghe
Cùng phát tâm Bồ Đề
Hết một báo thân này
Đồng sanh về Cực Lạc quốc.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT!



(Tải file mềm tại www.niemphatvangsinh.com)

ẤN TỔNG KINH ĐƯỢC MƯỜI CÔNG ĐỨC

1. Đã lỡ phạm tội, nếu tội nhẹ thì liền được tiêu tan, nếu tội nặng thì được chuyển thành nhẹ.
2. Thường được thiện thần ủng hộ, tránh khỏi tất cả ôn dịch, đao binh, giặc cướp, tù tội, lửa cháy, nước trôi v.v...
3. Nhờ chánh pháp mà những kẻ oán thù với mình trong kiếp trước được giải thoát nên tránh được sự khổ sở về tội báo thù.
4. Ác Quỷ Dạ xoa không thể xâm phạm, cướp đoạt, rắn độc không hại được.
5. Tâm được yên ổn, ngày không có sự nguy hiểm, đêm không có ác mộng, nhan sắc sáng sủa tươi tắn, khí lực dồi dào, việc làm tốt, lợi.
6. Hết lòng phụng sự chánh pháp, tuy không mong cầu nhưng cơm ăn áo mặc tự nhiên đầy đủ, gia đình hòa thuận phước thọ miên trường.
7. Lời nói và việc làm, trời, người đều hoan hỷ; đến nơi nào cũng được nhiều người kính mến.
8. Nếu ngu si thì chuyển thành trí huệ, bệnh tật chuyển thành lành mạnh, nguy hiểm chuyển thành yên ổn, nếu là đàn bà sau khi chết sẽ chuyển thành đàn ông.
9. Xa lìa các đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), được sanh vào các cõi thiện (người, trời) tương mạo đoan chánh, thông minh, xuất chúng phước lộc hơn người.
10. Đủ năng lực để gây căn lành cho chúng sanh, lấy tâm chúng sanh làm ruộng phước và sẽ thu hoạch được nhiều quả tốt. Sanh vào chỗ nào cũng được thấy Phật, nghe pháp; ba thứ trí huệ (Văn, Tư, Tu) mở rộng, chứng được sáu thần thông (thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc và lậu tận thông).

Hòa Thượng Thích Trí Thủ

Xin để sách nơi trang trọng!



*Sách tặng không bán,
Hoan nghênh phổ biến công đức vô lượng.*

